TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ
* * *

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Woịc laịp - Tl uđo - Haụnh phuc

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08.5.2018
V/v tranh chấp: "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thái Ánh Trinh**
2. Ông **Chung Khánh Nghị**

- Thl ky phieh toạ: Ông **Đinh Tuấn Anh** [1] Thư ký Toạ an nhaḥ daḥ quaịn Thoṭ Noṭ [1] Tp. Caṇ Thz.

¢ Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ: Bà **Đỗ Thị Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc *"Ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Hồng N –** sinh năm: 1992 (có mặt)

ĐKTT: Số 270, ấp A, xã B, thị xã V, tỉnh An G.

Chỗ ở hiện nay: khu phố D, phường E, huyện F, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh **Lê Hồng S** - sinh năm: 1990 (vắng mặt lần 02)

ĐKTT: Khu vực G, phường H, quận K, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, chị Phan Thị Hồng N và anh Lê Hồng S do tự quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lộc ngày 08.6.2011. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình mà lại thường hay ăn nhậu, có hành vi đánh cha vợ. Trong thời gian ly thân từ năm 2012 đến nay, anh S không có liên

lạc với chị N để hàn gắn tình cảm, ngoài ra hiện nay anh S đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung, thời gian ly thân cũng đã lâu cho nên chị N xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị N xác định quá trình chung sống với anh S có 01 con chung tên Lê Hoàng G – sinh ngày 07.7.2011, do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Hồng S, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa để giải quyết vụ án. Qua xác minh thực tế tại địa phương cho biết: anh S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực Phước Lộc, phường Tân Lộc nhưng đã đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 6 năm 2016 đến nay, khi đi không có thông báo cho chính quyền địa phương biết đi đâu, làm gì.

Tòa án có ghi được lời khai của bà Nguyễn Thị Dự (bà ngoại anh S), bà Dự cho biết: anh S sống chung nhà với bà Dự từ nhỏ, đến khoảng đầu năm 2017 anh S đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay không về nhà, gia đình không liên lạc được với anh S nên cũng không rõ địa chỉ cụ thể.

Do bị đơn anh S bỏ đi khỏi địa phương, nhiều lần vắng mặt không đến Tòa để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên toà của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh S.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Hoàng G cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét mối quan hệ pháp luật, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với bị đơn anh Lê Hồng S đã bỏ đi khỏi địa phương, theo hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017, trường hợp này nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, anh S thay đổi nơi cư trú mà không có thông báo cho chị N và chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới cho nên Tòa án vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Xét việc anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Xét về quan hệ hôn nhân, giữa chị N và anh S tiến tới hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị N trình bày là do anh S không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình mà lại thường hay ăn nhậu và có hành vi đánh cha vợ. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân năm 2012 cho đến nay, anh S và chị N không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống, thời gian ly thân đến nay cũng đã lâu nhưng anh S không liên lạc gì với chị N, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị N được ly hôn với anh S là phù hợp.

- Về con chung: Theo tài liệu trong hồ sơ và theo chị N xác định quá trình chung sống với anh Tuấn có 01 con chung tên là Lê Hoàng G – sinh ngày 07.7.2011. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu G hiện do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp, nghĩ nên chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị N xác định giữa vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung tuy nhiên do Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh S cho nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này anh S có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Hồng S.

Về con chung: chị N và anh S có 01 con chung là Lê Hoàng G – sinh ngày 07.7.2011, do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu G cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh S, không ai được quyền ngăn cản. Anh S và chị N được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Phan Thị Hồng N phải nộp số tiền 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/003625 ngày 13.12.2017 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Lộc;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG HIẾU